

TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN  
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

\*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 11 năm 2021

**ĐIỂM THI**

PHẦN III.1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ, NN&PL XHCN  
LỚP TCLLCT-HC HỆ KHÔNG TẬP TRUNG KHÓA 6, TẠI ĐUK CÁC CƠ QUAN TỈNH

| STT | Họ và tên            | Số<br>BD | Số<br>phách | Điểm<br>thi | Bảng chữ | Ghi chú |
|-----|----------------------|----------|-------------|-------------|----------|---------|
| 1   | Triệu Thị Hương Anh  | 1        | 03          | 7,5         | Bảy rưỡi |         |
| 2   | Nguyễn Thị Hoàng Anh | 2        | 34          | 7,0         | Bảy      |         |
| 3   | Ngô Tuấn Anh         | 3        | 38          | 7,0         | Bảy      |         |
| 4   | Vũ Thị Ánh           | 4        | 21          | 7,0         | Bảy      |         |
| 5   | Dương Tiến Ban       | 5        | 15          | 7,0         | Bảy      |         |
| 6   | Đỗ Thị Bảy           | 6        | 09          | 7,0         | Bảy      |         |
| 7   | Lý Văn Chiến         | 7        | 70          | 7,0         | Bảy      |         |
| 8   | Nguyễn Thị Chinh     | 8        | 39          | 7,5         | Bảy rưỡi |         |
| 9   | Nguyễn Quang Chinh   | 9        | 08          | 7,5         | Bảy rưỡi |         |
| 10  | Nguyễn Hồng Chuyên   | 10       | 69          | 7,0         | Bảy      |         |
| 11  | Hoàng Ngọc Chuyên    | 11       | 59          | 7,0         | Bảy      |         |
| 12  | Phạm Thành Công      | 12       | 66          | 8,0         | Tám      |         |
| 13  | Nguyễn Thị Bích Dung | 13       | 11          | 7,0         | Bảy      |         |
| 14  | Đoàn Hải Duy         | 14       | 56          | 7,0         | Bảy      |         |
| 15  | Trần Thị Duyên       | 15       | 13          | 7,5         | Bảy rưỡi |         |
| 16  | Phạm Đức Dũng        | 16       | 02          | 7,0         | Bảy      |         |
| 17  | Đào Minh Dũng        | 17       | 82          | 7,0         | Bảy      |         |
| 18  | Trần Trung Dũng      | 18       | 24          | 7,0         | Bảy      |         |
| 19  | Nguyễn Xuân Đạt      | 19       | 62          | 7,0         | Bảy      |         |
| 20  | Đào Hương Giang      | 20       | 07          | 7,0         | Bảy      |         |
| 21  | Đặng Thu Giang       | 21       | 53          | 7,0         | Bảy      |         |

| STT | Họ và tên             | Số<br>BD | Số<br>phách | Điểm<br>thi | Bằng chữ | Ghi chú |
|-----|-----------------------|----------|-------------|-------------|----------|---------|
| 22  | Nguyễn Thị Thanh Hải  | 22       | 46          | 7,5         | Bảy rưỡi |         |
| 23  | Phạm Thị Thu Hằng     | 23       | 51          | 7,5         | Bảy rưỡi |         |
| 24  | Nguyễn Thị Minh Hằng  | 24       | 55          | 7,5         | Bảy rưỡi |         |
| 25  | Nguyễn Thị Thu Hằng   | 25       | 77          | 7,0         | Bảy      |         |
| 26  | Nguyễn Thị Thúy Hằng  | 26       | 40          | 8,0         | Tám      |         |
| 27  | Vũ Thị Hảo            | 27       | 54          | 8,0         | Tám      |         |
| 28  | Nguyễn Thị Phương Hào | 28       | 36          | 7,5         | Bảy rưỡi |         |
| 29  | Phạm Thu Hiền         | 29       | 23          | 7,5         | Bảy rưỡi |         |
| 30  | Nguyễn Thị Thu Hiền   | 30       | 64          | 7,0         | Bảy      |         |
| 31  | Phạm Sỹ Hiệp          | 31       | 75          | 8,0         | Tám      |         |
| 32  | Phạm Thị Mai Hoa      | 32       | 33          | 7,0         | Bảy      |         |
| 33  | Hoàng Thị Hoa         | 33       | 71          | 8,0         | Tám      |         |
| 34  | Nguyễn Văn Hòa        | 34       | 60          | 7,5         | Bảy rưỡi |         |
| 35  | Phạm Thế Hoàng        | 35       | 61          | 7,0         | Bảy      |         |
| 36  | Nguyễn Việt Hùng      | 36       | 49          | 7,0         | Bảy      |         |
| 37  | Nguyễn Tuấn Hùng      | 37       | 37          | 7,0         | Bảy      |         |
| 38  | Đoàn Tuấn Hưng        | 38       | 41          | 7,5         | Bảy rưỡi |         |
| 39  | Ngô Quốc Huy          | 39       | 32          | 7,0         | Bảy      |         |
| 40  | Vũ Quang Huy          | 40       | 25          | 7,5         | Bảy rưỡi |         |
| 41  | Phạm Thị Thanh Huyền  | 41       | 47          | 8,0         | Tám      |         |
| 42  | Nguyễn Thị Thu Huyền  | 42       | 30          | 7,0         | Bảy      |         |
| 43  | Nguyễn Thị Thu Huyền  | 43       | 18          | 7,5         | Bảy rưỡi |         |
| 44  | Trần Duy Khánh        | 44       | 58          | 7,0         | Bảy      |         |
| 45  | Ngô Thượng Kỳ         | 45       | 72          | 7,0         | Bảy      |         |
| 46  | Đỗ Thị Bích Lan       | 46       | 80          | 7,5         | Bảy rưỡi |         |
| 47  | Nguyễn Thanh Lâm      | 47       | 05          | 7,0         | Bảy      |         |
| 48  | Dương Thị Linh        | 48       | 01          | 7,0         | Bảy      |         |
| 49  | Nguyễn Thành Luân     | 49       | 50          | 7,0         | Bảy      |         |

| STT | Họ và tên             | Số<br>BD | Số<br>phách | Điểm<br>thi | Bằng chữ | Ghi chú  |
|-----|-----------------------|----------|-------------|-------------|----------|----------|
| 50  | Trương Đức Mạnh       | 50       | 65          | 7,0         | Bảy      |          |
| 51  | Nguyễn Nhật Minh      | 51       | 76          | 7,5         | Bảy rưỡi |          |
| 52  | Cam Thị Thanh Nga     | 52       | 31          | 7,5         | Bảy rưỡi |          |
| 53  | Tổng Bá Ngân          | 53       | 16          | 7,0         | Bảy      |          |
| 54  | Trần Phúc Nguyên      | 54       | 78          | 7,0         | Bảy      |          |
| 55  | Hoàng Thanh Phong     | 55       | -           | -           | -        | Vắng thi |
| 56  | Nguyễn Mai Phương     | 56       | 17          | 7,5         | Bảy rưỡi |          |
| 57  | Lê Thị Thu Phương     | 57       | 06          | 8,0         | Tám      |          |
| 58  | Nguyễn Đức Quang      | 58       | 68          | 7,0         | Bảy      |          |
| 59  | Nguyễn Đức Quân       | 59       | 67          | 7,0         | Bảy      |          |
| 60  | Trần Minh Quý         | 60       | 48          | 7,0         | Bảy      |          |
| 61  | Vũ Đình Quyên         | 61       | 28          | 7,5         | Bảy rưỡi |          |
| 62  | Đặng Ngọc Tâm         | 62       | 43          | 7,0         | Bảy      |          |
| 63  | Phan Thị Thanh Tâm    | 63       | 20          | 7,0         | Bảy      |          |
| 64  | Lương Văn Thái        | 64       | 12          | 7,0         | Bảy      |          |
| 65  | Đỗ Văn Thanh          | 65       | 35          | 7,0         | Bảy      |          |
| 66  | Nguyễn Thái Thanh     | 66       | 14          | 7,5         | Bảy rưỡi |          |
| 67  | Triệu Đức Thành       | 67       | 27          | 8,0         | Tám      |          |
| 68  | Lâm Kim Thành         | 68       | 44          | 7,5         | Bảy rưỡi |          |
| 69  | Trần Thị Minh Thư     | 69       | 79          | 7,5         | Bảy rưỡi |          |
| 70  | Triệu Thế Thuần       | 70       | 42          | 7,0         | Bảy      |          |
| 71  | Hà Thị Hồng Thúy      | 71       | 10          | 8,0         | Tám      |          |
| 72  | Phạm Thu Trà          | 72       | 19          | 8,0         | Tám      |          |
| 73  | Nguyễn Thị Hồng Trang | 73       | 81          | 8,0         | Tám      |          |
| 74  | Lương Thị Thu Trang   | 74       | 26          | 7,0         | Bảy      |          |
| 75  | Nguyễn Mạnh Tú        | 75       | 52          | 7,0         | Bảy      |          |
| 76  | Nguyễn Hoàng Tuấn     | 76       | 74          | 7,0         | Bảy      |          |
| 77  | Đào Anh Tuấn          | 77       | 29          | 7,0         | Bảy      |          |

| STT | Họ và tên          | Số<br>BD | Số<br>phách | Điểm<br>thi | Bằng chữ | Ghi chú |
|-----|--------------------|----------|-------------|-------------|----------|---------|
| 78  | Phạm Mạnh Tuấn     | 78       | 04          | 7,0         | Bảy      |         |
| 79  | Phan Đức Tùng      | 79       | 63          | 7,0         | Bảy      |         |
| 80  | Nguyễn Thị Hải Vân | 80       | 73          | 7,5         | Bảy rưỡi |         |
| 81  | Ninh Hùng Vĩ       | 81       | 22          | 7,0         | Bảy      |         |
| 82  | Phan Vũ            | 82       | 57          | 7,0         | Bảy      |         |
| 83  | Trần Thị Hải Yến   | 83       | 45          | 8,0         | Tám      |         |

**PHÒNG QLĐT&NCKH  
TRƯỞNG PHÒNG**



**Nguyễn Thị Hồng Mây**

**KHOA NN&PL  
TRƯỞNG KHOA**



**Lê Minh Hường**

**K/T HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**




**Phạm Minh Chuyên**